

Số: 112/2021/QĐST - HNGĐ Thái Nguyên, ngày 12 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 11, phường Ch, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 11, phường Ch, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Nam Kh, sinh ngày 12/10/2003 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/10/1992.

Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Nam Kh, sinh ngày 12/10/2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh L1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, con chung. Con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/10/1992 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả cho chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004504 ngày 14/01/2021 tại chi cục thi hành án thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Ch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quý Sửu